

Số: 165/QĐ-THPT.ĐST

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v bổ sung phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên
Năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY

Căn cứ Quyết định số 3919/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trường THPT Đào Sơn Tây;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-SGDĐT ngày 22/4/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THPT Đào Sơn Tây;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-THPT.ĐST ngày 12/9/2024 của Trường THPT Đào Sơn Tây về phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2024 – 2025;

Xét khả năng của CB-GV-GV và tình hình thực tế nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bổ sung phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THPT Đào Sơn Tây năm học 2024-2025 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Ông (Bà) có tên ghi nơi Điều 1 được tính giờ quy đổi theo quy định, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 và các văn bản có liên quan.

Điều 3. Các Ông (Bà) có tên ghi nơi Điều 1 và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hảo

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2024-2025
(kèm Quyết định số 165/QĐ-THPT.DST ngày 01/11/2024 của Trường THPT Đào Sơn Tây)

TT	Họ tên	Tổ	Kiểm nhiệm	Giảng dạy
1	Hoàng Thị Hào	BGH	BT	HDTN (10A1);
2	Trần Ngọc Vỹ	BGH		GDDP (10A5, 10A8, 10A11, 10A12, 10A13);
3	Trần Thị Minh Đức	BGH	PBT	LY (10A2, 10A10);
4	Nguyễn Văn Ngải	BGH	CUV	KTPL (11B10, 11B11);HDTN(11B10);
5	Nguyễn Thanh Tùng	Toán	TTCM	TO(10A1, 10A10, 11B13, 12C1, 12C15);
6	Trần Tuấn Anh	Toán	TTCĐ	TO(11B3, 11B8, 11B13, 12C3); GDDP(11B3,11B8);
7	Lê Thị Dung	Toán	GVCN	TO(11B1,11B10, 12C6,12C10);
8	Nguyễn Thị Hoàng Giang	Toán	GVCN	TO(10A5, 10A12, 11B5,11B12);
9	Hoàng Thị Hòa	Toán	GVCN	TO(10A7, 10A13, 12C4, 12C13);
10	Tổng Duy Sơn	Toán	GVCN, UVCĐ	TO(10A4, 10A6, 12C5, 12C14);
11	Nguyễn Thị Thu Thảo	Toán		TO(10A2, 10A11, 11B4);
12	Trần Thanh Thúy	Toán	GVCN	TO(10A8, 12C8, 12C11);
13	Nguyễn Thị Minh Thu	Toán	GVCN	TO(11B9, 11B16, 12C2, 12C12);
14	Lê Hoài Thương	Toán		TO(10A3, 10A9, 11B6, 11B7);GDDP(10A9, 11B4);
15	Nguyễn Ngọc Tráng	Toán	GVCN	TO(11B12, 12C7, 12C9);
16	Nguyễn Hoàng Ái Vy	Toán		TO(10A14, 10A16, 11B14);HDTN(10A2, 10A7, 10A16, 11B14);
17	Võ Thị Xuân	Toán	GVCN	TO(10A15, 11B11, 11B15);HDTN(11B11)
19	Lê Thị Việt Hà	Văn	TTCM, CTCĐ	VA(10A1,12C4, 12C13);
18	Nguyễn Thị Thủy	Văn	GVCN	VA(11B13, 11B15, 12C6, 12C10);
20	Phan Thị Thanh Giang	Văn	PCTCĐ	VA(11B6, 11B9, 12C2, 12C12);
21	Lã Thị Quỳnh Lương	Văn		VA(11B1, 11B4, 11B8, 12C3, 12C15);
22	Đoàn Thị Ngọc Sáng	Văn	TTCĐ	VA(10A2, 10A14, 11B3, 11B10, 11B11, 11B14);
23	Nguyễn Thị Tha	Văn		VA(10A4, 10A11,10A13, 11B2);
24	Bùi Thị Thắm	Văn		VA(10A3, 10A10, 10A12, 11B5, 11B10, 11B16);
25	Bùi Đỗ Kim Thuần	Văn	GVCN	VA(10A16, 12C1, 12C14);
26	Dương Lê Thủy	Văn		VA(11B7, 11B12, 11B14, 12C7, 12C8);
27	Nguyễn Thu Trang	Văn		VA(10A5, 10A8, 12C5, 12C13);
28	Lưu Thị Xoan	Văn	TTCĐ	VA(10A6, 10A7, 10A9, 10A15, 12C9);
29	Lý Thị Ngọc Lan	Anh	TTCM	TA(10A2, 10A10, 12C1, 12C5, 12C11);
30	Phạm Thị Châm	Anh	TTCĐ, CN	TA(10A3, 10A8, 10A15, 12C3, 12C8);
31	Đinh Thị Lan	Anh	GVCN	TA(11B1, 11B5, 11B8, 12C4, 12C9); HDTN(12C9)
32	Khưu Tiểu Phụng	Anh	GVCN	TA(10A11, 10A16, 12C7, 12C15);
33	Nguyễn Thị Kim Phụng	Anh	GVCN	TA(10A1, 10A7, 10A14, 12C10, 12C14);
34	Võ Thị Thanh Thư	Anh		TA(10A6, 10A13, 11B4, 11B6, 11B10, 11B15);
35	Nguyễn Nữ Hoàng Yến	Anh	GVCN	TA(11B3, 11B7, 11B13, 12C12, 12C13); HDTN(11B7)
36	Võ Thị Bình Yên	Anh	GVCN	TA(11B11, 11B14, 11B16, 12C2, 12C6);
37	Thái Huy Hoàng	Anh		TA(10A5, 10A12, 11B9, 11B12, 11B14)
38	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Anh		TA(10A4, 10A9, 11B2)
39	Hoàng Thị Vinh	Lý	TTCM,CN	LY(11B4, 11B10, 12C4, 12C9);
40	Võ Quang Duy	Lý	GVCN	LY(11B3, 11B6, 11B7, 11B11, 12C3);
41	Đắc Hoàng Luật	Lý	GVCN	LY(10A3, 10A4, 10A5, 12C5);HDTN(10A5)
42	Hoàng Thị Ngân	Lý	GVCN	LY(10A6, 10A8, 10A12, 12C6); HDTN(12C6)
43	Lê Phú Quý	Lý	GVCN	LY(10A1, 10A7, 10A9, 10A11, 12C1);
44	Nguyễn Kim Thoa	Lý	GVCN, TTCĐ	LY(11B1, 11B9, 11B12, 12C7, 12C11);
45	Lý Thị Thủy	Lý	GVCN	LY(11B2, 11B5, 11B8, 12C2, 12C10); HDTN(12C10)
46	Phạm Văn Đồng	L-CN		CN(10A6, 10A7, 10A8, 10A9, 10A10, 10A11, 11B7, 11B9, 11B11);
47	Phạm Ngọc Tuấn	L-CN		CN(10A3, 10A4, 10A5, 10A12, 10A15, 10A16, 11B8, 11B10, 11B12, 12C3)

TT	Họ tên	Tổ	Kiểm nhiệm	Giảng dạy
48	Văn Vi Hồng	Hóa	TTCM	Thai sản
49	Phi Văn Tuấn Anh	Hóa	GVCN	HOA(10A3, 10A6, 10A13, 11B5, 11B14);HDTN(10A6, 10A13);
50	Nguyễn Thị Thái Hằng	Hóa	GVCN	HOA(11B6, 11B13, 12C2, 12C5, 12C8); HDTN(10A8, 11B6, 12C5)
51	Nguyễn Thị Thục Oanh	Hóa	GVCN	HOA(11B1, 11B3, 12C4, 12C6, 12C7);HDTN(11B1);GDDP(11B1)
52	Nguyễn Thị Thanh Thắm	Hóa	TPCM, CN	HOA(10A1, 10A2, 12C1, 12C3, 12C12);GDDP(10A1, 10A2)
53	Đinh Thị Kiều Thanh	Hóa	TTCD, GVCN	HOA(10A4, 10A11, 10A14, 11B4, 11B16);HDTN(10A4, 10A11, 11B4, 11B16)
54	Hà Văn Việt	Hóa	GVCN	HOA(10A5, 10A15, 10A16, 11B2, 11B15);HDTN(11B15); GDDP(11B5, 11B15)
55	Phạm Nguyễn Mỹ Nhật	S-CN	TTCM,CN	SI(10A1, 10A14, 12C1, 12C14);CN(11B15, 11B16)
56	Nguyễn Thanh Đạm	S-CN	GVCN	SI(10A2, 10A7, 10A9, 10A15, 10A16, 12C15);HDTN(10A12, 10A15)
57	Lê Thanh Nga	S-CN	GVCN	SI(11B1, 11B7, 11B14, 12C2, 12C13);HDTN(11B5, 12C12)
58	Lê Đặng Thảo Nhi	S-CN	TLTN	Thai sản
59	Trương Thị Thanh Tâm	S-CN	GVCN	SI(11B8, 11B9, 11B13, 11B16, 12C3);HDTN(11B8, 11B9, 11B13, 12C3)
60	Châu Thị Thận	S-CN	TTCD, GT	SI(10A8, 10A13);
61	Hoàng Thị Hương	S-CN	GVCN	CN(11B3, 11B4, 11B5, 11B6, 12C6, 12C7, 12C8, 12C9, 12C13); HDTN(11B3)
62	Vũ Thị Hiền Linh	S-CN		Thai sản
63	Trần Thị Hải	Địa		Thai sản
64	Lê Văn Sáng	Địa		DI(10A12, 10A15, 11B11, 11B13, 11B14, 11B16, 12C11, 12C12);
65	Nguyễn Thị Thủy	Địa	TTCD, CN	DI(10A11, 12C8, 12C9, 12C10, 12C13, 12C14, 12C15); HDTN(12C15)
66	Lê Hùng Tấn Lộc	Địa	GVCN	DI(10A10, 10A13, 10A14, 10A16, 11B10, 11B12, 11B15); HDTN(11B12)
67	Lê Thị Bé	Sử	TTCM	SU(11B6, 11B9, 11B10, 11B11, 11B12, 11B13, 11B15, 11B16, 12C4, 12C5, 12C6);
68	Nguyễn Thị Hường	Sử	GVCN	SU(10A3, 10A4, 10A5, 10A6, 10A7, 10A8, 10A16, 12C7, 12C8, 12C9, 12C11);
69	Hoàng Ngọc Lữ	Sử		SU(10A1, 10A2, 10A9, 10A10, 10A11, 10A12, 10A13, 10A14, 10A15, 12C2, 12C3, 12C10,);
70	Lê Thị Xuân	Sử	GVCN	SU(11B1, 11B2, 11B3, 11B4, 11B5, 11B7, 11B8, 11B14, 12C12, 12C13, 12C15, 12C14,);
71	Lại Hoàng Hiệp	Tin	TTCM, TKHĐ	TI(10A1, 12C1, 12C5, 12C10, 12C11, 12C14, 10A5, 10A6);
72	Nguyễn Văn Chiến	Tin		TI(10A7, 10A13, 11B2, 11B6, 11B7, 11B14, 10A8, 10A14, 11B9)
73	Trần Thị Thủy Nga	Tin		Nghi thai sản
74	Trần Thị Mai Trang	Tin	TTCD, GVCN	TI(11B1, 11B5, 12C2, 12C12, 12C4, 12C15, 11B8,11B13);
75	Phạm Thị My	KTPL	GVCN	KTPL(10A4, 11B3, 11B12, 12C4, 12C6, 12C7, 12C9, 12C13);
76	Thiều Thị Linh	KTPL	GVCN	KTPL(10A3, 10A9, 11B4, 12C8, 12C11, 12C14, 12C15); HDTN(10A9, 12C1, 12C4, 12C14)
77	Đinh Hoàng Phương Thảo	KTPL	GVCN	KTPL(10A10, 10A11, 10A12, 12C5, 12C10, 12C12);HDTN(10A10)
78	Nguyễn Thị Mộng Xuyên	GDĐP		GDĐP(10A3, 10A4, 10A6, 10A7, 10A10, 10A14, 10A15, 10A16, 11B7, 11B9, 11B10, 11B11, 11B13, 11B14, 11B16, 11B2, 11B6, 11B12);
79	Nguyễn Huy Hoàng	TD	TTCM	GDTC(11B2, 11B5, 11B6, 11B7, 11B14, 12C1, 12C10, 12C11)
80	Lê Đình Bắc	TD	UVCD	GDTC(10A2, 10A3, 10A8, 10A9, 10A13, 10A15, 12C4, 12C5, 12C13)
81	Nguyễn Thị Ngọc Phú	TD	GVCN	GDTC(10A1, 10A5, 10A12, 11B1, 11B3, 11B12, 11B16);
82	Dụng Hữu Thảo	TD	GT	GDTC(10A4, 10A10, 11B4, 11B8);
83	Nguyễn Xuân Thịnh	TD	GVCN	GDTC(10A6, 10A7, 10A11, 10A14, 10A16, 12C2, 12C3, 12C6);
84	Nguyễn Thanh Vũ	TD		GDTC(11B9, 11B10, 11B11, 11B13, 11B15, 12C7, 12C8, 12C9, 12C14);HDTN(12C13)
85	Nguyễn Hoàng Văn	TD	GT	GDTC(12C12, 12C15);
86	Mai Thị Chiên	QP	GVCN	QP(10A1, 10A2, 10A5, 10A7, 10A8, 10A11, 10A12, 10A14, 12C1, 12C2, 12C3, 12C8, 12C10, 12C12, 12C14, 12C15);
87	Nguyễn Thị Kim Chi	QP	GVCN, TTCD	QP(11B1, 11B2, 11B5, 11B6, 11B7, 11B9, 11B11, 11B12, 12C4, 12C5, 12C6, 12C7, 12C9, 12C11, 12C13);
88	Trần Thị Thảo	QP	GVCN	QP(10A3, 10A4, 10A6, 10A9, 10A10, 10A13, 10A15, 10A16, 11B3, 11B4, 11B8, 11B10, 11B13, 11B14, 11B15, 11B16);

Danh sách có 88 người./.

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NHÂN VIÊN
VÀ CÔNG TÁC KIỂM NHIỆM NĂM HỌC 2024-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-THPT.ĐST ngày 01 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường THPT Đào Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Nhiệm vụ nhân viên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Yến	Kế toán Kiêm phụ trách phần mềm Cán bộ Công chức của Sở Nội vụ	
2	Đinh Thị Hoàng Phương	Thủ Quỹ	
3	Nguyễn Hữu Học	Nhân viên CNTT, kiêm phụ trách Thiết bị phòng chức năng, phòng học; phụ trách quản lý CSDL	
4	Lê Thị Kim Hoa	Nhân viên Văn thư Kiêm phụ trách quản lý học vụ	
5	Trương Thị Mỹ Trang	Nhân viên Giáo vụ Kiêm phụ trách VPĐT	
6	Lê Thị Thái	Nhân viên thiết bị thí nghiệm phòng bộ môn; Kiêm phụ trách Giám thị khối 10, Thư viện	
7	Lê Thị Hải	Y tế Kiêm phụ trách ATTP Bán trú	
8	Nguyễn Hoàng Văn	Giáo viên Kiêm phụ trách Giám thị 12	
9	Châu Thị Thận	Giáo viên Kiêm phụ trách Giám thị 10	
10	Dụng Hữu Thảo	Giáo viên Kiêm phụ trách Giám thị 11	
11	Phạm Thị My	Giáo viên Kiêm phụ trách công tác Tư vấn Tâm lý	
12	Lại Hoàng Hiệp	Giáo viên Kiêm phụ trách công thông tin điện tử, hồ sơ điện tử, SĐĐT.	

Danh sách có 12 người./.